

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III  
PETROLIMEX**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ KIỂM TOÁN CHO NIÊN ĐỘ KẾT  
THỨC VÀO NGÀY 31/12/2006**

## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3-4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2006	5-8
Báo cáo kết quả kinh doanh cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2006	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2006	10-11
Thuyết minh	12 - 33



# **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Công ty Cổ Phần Xây Lập III - Petrolimex (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

### **1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ Phần Xây Lập III - Petrolimex được thành lập theo:

- Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08 tháng 06 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000817 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2002, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2004 và điều chỉnh lần thứ 6 ngày 02 tháng 01 năm 2007.

Trụ sở chính được đặt tại số 232 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc lần lượt đặt tại Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội và 1 chi nhánh hạch toán báo số đặt tại Nhà Bè.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV;
- Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường;
- Lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;
- Vận tải, giao nhận hàng hóa và cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Mua bán tơ lụa, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán vải sợi, hàng may mặc, khí đốt hoá lỏng (gas, acetylen, oxy);
- Sản xuất đá xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Thiết kế, đo đạc công trình ngành đo vẽ địa hình;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Xử lý nền móng công trình, xây dựng công trình bờ kè, bến cảng;
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép (không sản xuất tại trụ sở);

### **2. Thành viên của Ban Giám đốc**

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm 2006 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Cung Quang Hà	Giám Đốc
Ông Đinh Quang Hiếu	Phó Giám Đốc
Ông Đặng Đình Thắng	Phó Giám Đốc
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Phó Giám Đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2006 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

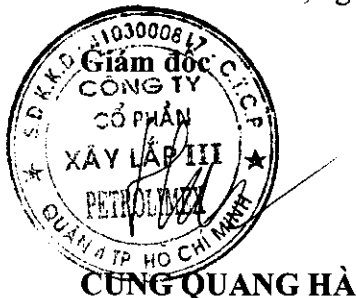
### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty.

### 6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực / Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2007



110  
SC  
M  
HC



Số: 07.260/BCKT-DTL

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Xây Lắp III - Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2006, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Xây Lắp III - Petrolimex (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau :

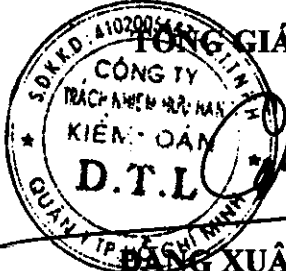
Như được nêu tại mục (V.3) trên bảng thuyết minh báo cáo tài chính, trong tổng số dư phải thu khác đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 có một số khoản phải thu phát sinh trên ba năm trị giá 111.999.791 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chưa lập dự phòng cho các khoản phải thu này.

1051  
G  
H  
J  
K  
L  
M  
N  
O  
P  
Q  
R  
S  
T  
U  
V  
W  
X  
Y  
Z  
CH

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Xây Lấp III - Petrolimex vào ngày 31/12/2006 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2007



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**TĂNG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số 0075/KTV

10/04/2007

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III PETROLIMEX**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>53.989.112.639</b>	<b>43.003.723.201</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.715.545.296</b>	<b>2.317.871.784</b>
1. Tiền	111	V.01	7.715.545.296	2.317.871.784
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.911.218.347</b>	<b>6.884.377.734</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.A	7.216.592.959	4.398.971.840
2. Trả trước cho người bán	132	V.A	1.246.351.938	745.666.234
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.448.273.450	1.739.739.660
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>31.697.653.237</b>	<b>30.299.682.548</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	31.697.653.237	30.299.682.548
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.664.695.759</b>	<b>3.501.791.135</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.949.273	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	16.083.827	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.B	4.637.662.659	3.501.791.135

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III PETROLIMEX**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.612.540.248</b>	<b>16.450.652.433</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.035.170.717</b>	<b>3.519.122.548</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.575.515.488	3.401.665.846
- Nguyên giá	222		7.117.224.843	5.436.639.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.541.709.355)	(2.034.973.866)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	459.655.229	117.456.702
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>25.493.332.000</b>	<b>12.533.332.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.C	800.000.000	400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.C	200.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	24.493.332.000	12.133.332.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.084.037.531</b>	<b>398.197.885</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	776.795.808	398.197.885
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	307.241.723	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85.601.652.887</b>	<b>59.454.375.634</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III PETROLIMEX****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58.935.085.192</b>	<b>50.863.989.177</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.102.794.662</b>	<b>39.657.615.580</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	5.433.322.885	1.401.160.319
2. Phải trả người bán	312	V.D	7.124.543.029	4.167.776.141
3. Người mua trả tiền trước	313	V.D	15.028.996.162	23.689.140.367
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.747.235.467	2.045.251.090
5. Phải trả người lao động	315		968.457.440	1.254.713.418
6. Chi phí phải trả	316	V.17	718.132.597	2.438.475.054
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	V.E	379.159.272	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	4.702.947.810	4.661.099.191
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.832.290.530</b>	<b>11.206.373.597</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	21.800.000.000	10.800.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		32.290.530	34.140.730
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	372.232.867
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>26.666.567.695</b>	<b>8.590.386.457</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>26.285.456.649</b>	<b>8.396.417.776</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.000.000.000	4.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.100.000.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.056.199.194	1.848.668.217
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		271.256.749	179.909.144
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.858.000.706	2.167.840.415
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>381.111.046</b>	<b>193.968.681</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		381.111.046	193.968.681
3. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
4. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>85.601.652.887</b>	<b>59.454.375.634</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III PETROLIMEX**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại, USD		653,51	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Van*

**NGUYỄN THỊ VÂN**

Ngày 12 tháng 03 năm 2007



**CUNG QUANG HÀ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III PETROLIMEX**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

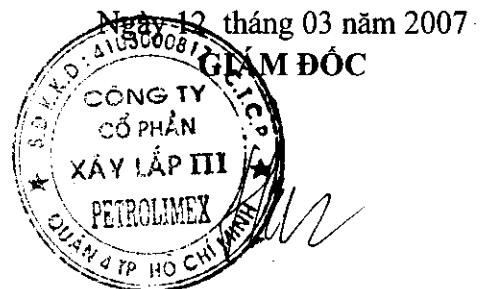
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	90.816.610.787	81.494.164.157
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	90.816.610.787	81.494.164.157
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	82.136.751.156	74.009.713.439
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.679.859.631	7.484.450.718
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	892.482.818	474.434.414
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	1.377.748.974	367.482.103
trong đó, chi phí lãi vay	23		1.368.224.818	358.333.459
8. Chi phí bán hàng	24		343.519.802	520.022.440
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.311.492.763	4.708.772.974
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.539.580.910	2.362.607.615
11. Thu nhập khác	31		169.803.108	137.775.540
12. Chi phí khác	32		60.091.594	8.022.923
13. Lợi nhuận khác	40		109.711.514	129.752.617
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.649.292.424	2.492.360.232
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	990.838.865	348.775.032
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	(307.241.723)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.965.695.282	2.143.585.200
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		23.401	51.038

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Nguyễn Thị Vân*

**NGUYỄN THỊ VÂN**



**CUNG QUANG HÀ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III PETROLIMEX****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>2.649.292.424</b>	<b>2.492.360.232</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		506.735.489	623.086.169
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(4.874.061)	9.148.644
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(878.084.601)	(463.222.244)
Chi phí lãi vay	06		1.368.224.818	358.333.459
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3.641.294.069</b>	<b>3.019.706.260</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.481.534.925)	2.894.952.156
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.397.970.689)	(18.520.057.019)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.192.439.557)	16.331.295.028
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(389.547.196)	9.033.386
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.188.224.818)	(358.333.459)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(639.348.292)	(228.684.690)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		57.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(246.714.044)	(72.359.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(11.837.485.452)</b>	<b>3.075.552.162</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.011.088.203)	(837.960.398)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.752.000.000)	(12.482.332.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		680.084.601	34.972.155
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.093.003.602)</b>	<b>(13.285.320.243)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III PETROLIMEX****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

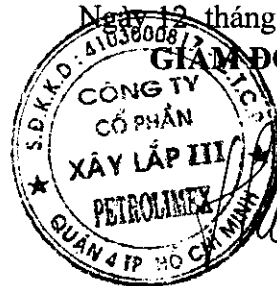
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		16.800.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		41.396.665.328	39.670.136.516
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(26.364.502.762)	(27.768.976.197)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(504.000.000)	(546.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>31.328.162.566</b>	<b>11.355.160.319</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>5.397.673.512</b>	<b>1.145.392.238</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.317.871.784</b>	<b>1.172.479.546</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>7.715.545.296</b>	<b>2.317.871.784</b>

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN THỊ VÂN**

Ngày 12 tháng 03 năm 2007

**CUNG QUANG HÀ**

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

*Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo:

- Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08 tháng 06 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000817 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2002, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2004 và điều chỉnh lần thứ 6 ngày 02 tháng 01 năm 2007.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 232 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc lần lượt đặt tại Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội và 1 chi nhánh hạch toán báo số đặt tại Nhà Bè.

**2. Lĩnh vực kinh doanh :** xây lắp, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV;
- Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường;
- Lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;
- Vận tải, giao nhận hàng hóa và cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Mua bán tư lự, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán vải sợi, hàng may mặc, khí đốt hoá lỏng (gas, acetylen, oxy);
- Sản xuất đá xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Thiết kế, đo đạc công trình ngành đo vẽ địa hình;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Xử lý nền móng công trình, xây dựng công trình bờ kè, bến cảng;
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép (không sản xuất tại trụ sở).

# **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### **II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam

### **III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam

#### **2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là hình thức máy tính

#### **3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không phát sinh

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
+ Máy móc thiết bị	8 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải	8 – 10 năm
+ Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: không phát sinh
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : không phát sinh

### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc là số tiền thực tế đầu tư căn cứ vào Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn : không phát sinh
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc là số tiền thực tế đầu tư căn cứ vào Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn: không phát sinh.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay : không phát sinh
- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ : không phát sinh

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước : không phát sinh
- Chi phí khác : không phát sinh
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : không phát sinh

1020  
CÓI  
SH  
EN  
D.  
/ /



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

---

- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại : không phát sinh.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả : không phát sinh

### 10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: căn cứ vốn điều lệ ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: không phát sinh
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : căn cứ tỷ giá bán của Ngân Hàng Ngoại Thương vào tại ngày báo cáo, đánh giá lại toàn bộ các khoản mục có gốc ngoại tệ, phần chênh lệch giữa giá trị do đánh giá lại và giá trị trên sổ sách được ghi nhận vào chênh lệch tỷ giá trong kỳ.
- Ghi nhận cổ tức : cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ dự trữ được trích lập theo Điều Lệ Công Ty theo các quy định pháp lý hiện hành từ lợi nhuận sau thuế sau khi đã được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định căn cứ theo khối lượng xây lắp được chủ đầu tư chấp thuận ( thoả thuận trong hợp đồng). Đối với doanh thu và giá vốn tương ứng của các công trình do Công ty ký hợp đồng giao lại cho các đơn vị trực thuộc thực hiện sẽ được loại trừ trên báo cáo kết quả kinh doanh của toàn Công ty.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính trong kỳ được ghi nhận căn cứ vào giấy báo tiền lãi ngân hàng phát sinh hàng tháng và giấy báo nợ nội bộ tiền lãi vay giữa các đơn vị nội bộ.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế hoãn lại trong năm được ghi nhận theo các quy định, chuẩn mực có liên quan đến thu nhập doanh nghiệp.

### 14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: không phát sinh

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### 15.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

#### 15.2. Thuế

Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và các khoản dự trừ, nếu có, sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

#### 15.3. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	411.625.839	178.422.162
Tiền gửi ngân hàng	7.303.919.457	2.139.449.622
Cộng	<u>7.715.545.296</u>	<u>2.317.871.784</u>

#### 3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Các khoản phải thu khác	(*) 1.448.273.450	1.739.739.660
Cộng	<u>1.448.273.450</u>	<u>1.739.739.660</u>

(\*) Chi tiết khoản phải thu khác tại văn phòng công ty và các chi nhánh gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khác tại văn phòng công ty	(**) 1.252.020.899	1.429.324.491
Phải thu khác tại Cần Thơ	142.000.555	278.375.850
Phải thu khác tại Nhà Bè	3.820.496	8.018.727
Phải thu khác tại Đà Nẵng	50.431.500	-
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT nộp thừa	-	24.020.592
Cộng	<u>1.448.273.450</u>	<u>1.739.739.660</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(\*\*) Trong đó, các khoản phải thu khác phát sinh trên 3 năm có khả năng không thể thu hồi nhưng chưa trích lập dự phòng là :

	Cuối năm
Nguyễn Đức Tuấn	14.500.000
Nguyễn Tiến Thanh ( XN Cơ Khí)	54.434.448
Thuế GTGT phải thu các đơn vị trong nội bộ	39.576.595
Vương, Quang Minh ( nộp nghĩa vụ)	3.488.748
<b>Cộng</b>	<b>111.999.791</b>

**4. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	991.568.715	326.503.403
Công cụ, dụng cụ	452.744.760	416.286.125
Chi phí SX, KD dở dang (*)	29.826.611.762	28.590.944.134
Hàng hóa	426.728.000	965.948.886
Cộng giá gốc hàng tồn kho	31.697.653.237	30.299.682.548
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>31.697.653.237</b>	<b>30.299.682.548</b>

(\*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại văn phòng công ty và các chi nhánh gồm

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí SX, KD dở dang tại văn phòng công ty (a)	24.327.318.619	20.158.965.994
Chi phí SX, KD dở dang tại Cần Thơ (b)	4.781.349.425	8.427.005.597
Chi phí SX, KD dở dang tại Nhà Bè (c)	51.871.067	4.972.543
Chi phí SX, KD dở dang tại Đà Nẵng (d)	134.379.473	-
Chi phí SX, KD dở dang tại Hà Nội (e)	531.693.178	-
<b>Cộng</b>	<b>29.826.611.762</b>	<b>28.590.944.134</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(a) Chi tiết các công trình đang dở dang tại văn phòng công ty vào ngày 31/12/2006:

	Cuối năm
Khu bệ nền móng dầu thực vật Phú Mỹ - Hđ 306	8.146.861.256
Xây dựng kho cảng Cái Lân -- Hđ 11/2006	7.531.434.179
Bê thép 12.500 m3 kho xăng dầu nước mặn	2.374.731.931
Hệ thống ống dẫn dầu Tường An – HĐ 401	799.812.033
Móng bê kho xây dựng Hà Nam	776.000.000
HĐ 3247 bê thép B18 – XDKV2	636.957.793
Các công trình khác	4.061.521.427
Cộng	<u>24.327.318.619</u>

(b) Chi tiết các công trình đang dở dang tại chi nhánh Cần Thơ tại ngày 31/12/2006:

	Cuối năm
Trường học An Giang gói số 2 (CP2-05)	1.169.562.756
Trường học An Giang gói số 2 (CP1-05)	853.353.556
Móng TT TM Long Xuyên	437.000.000
Tuyến ống cấp nước 3 huyện – An Giang	348.560.203
Tường rào bệnh viện đa khoa - KG	285.911.744
Mở rộng kho Vinh Tre – An Giang	270.957.941
CHXD Tân Thành - Bến Tre	268.121.577
Các công trình khác	1.147.881.648
Cộng	<u>4.781.349.425</u>

(c) Chi phí SX, KD tại Nhà Bè là của hoạt động kinh doanh xe máy.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(d) Chi tiết các công trình đang dở dang tại chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31/12/2006:

	Cuối năm
Xây dựng CH xăng dầu Hoà Phong	64.609.979
Móng bể 12.500 m3 kho xây dựng nước mặn	63.113.134
Sửa chữa đường ống CN kho xăng dầu Petec	6.656.360
<b>Cộng</b>	<b>134.379.473</b>

(e) Chi tiết các công trình đang dở dang tại chi nhánh Hà Nội tại ngày 31/12/2006:

	Cuối năm
Công trình móng bể kho xăng dầu Hà Nam	380.951.598
Công trình kho dầu FO Cái Lân Quảng Ninh	80.871.080
Toà nhà Locogi 13	500.000
Viện tin học Pháp Ngữ	69.370.500
<b>Cộng</b>	<b>531.693.178</b>

**5. Các khoản thuế phải thu**

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế nhà đất, tiền thuê đất văn phòng công ty nộp thừa cho Nhà nước	16.083.827	-
<b>Cộng</b>	<b>16.083.827</b>	<b>-</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	1.703.365.890	888.034.972	2.489.162.568	356.076.282	5.436.639.712
Tăng trong năm	651.930.577	487.054.400	444.035.650	97.564.504	1.680.585.131
Tăng khác	-	213.822.678	-	-	213.822.678
Giảm khác	-	-	(213.822.678)	-	(213.822.678)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.355.296.467</b>	<b>1.588.912.050</b>	<b>2.719.375.540</b>	<b>453.640.786</b>	<b>7.117.224.843</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**Giá trị hao  
mòn lũy kế**

Số dư đầu năm	479.882.749	406.576.036	928.515.340	219.999.741	2.034.973.866
Khấu hao trong năm	98.937.547	124.191.308	222.115.255	61.491.379	506.735.489
Tăng khác	-	174.122.664	-	-	174.122.664
Giảm khác	-	-	(174.122.664)	-	(174.122.664)
Số dư cuối năm	<u>578.820.296</u>	<u>704.890.008</u>	<u>976.507.931</u>	<u>281.491.120</u>	<u>2.541.709.355</u>

**Giá trị còn lại**

Tại ngày đầu năm	<u>1.223.483.141</u>	<u>481.458.936</u>	<u>1.560.647.228</u>	<u>136.076.541</u>	<u>3.401.665.846</u>
Tại ngày cuối năm	<u>1.776.476.171</u>	<u>884.022.042</u>	<u>1.742.867.609</u>	<u>172.149.666</u>	<u>4.575.515.488</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp là 1.427.218.577 đồng (xem chi tiết mục (V.15.a)).
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 185.887.027 đồng

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí XD CB dở dang	(*) 459.655.229	117.456.702
Cộng	<u>459.655.229</u>	<u>117.456.702</u>

(\*) Bao gồm chi tiết các hạng mục công trình sau:

	Cuối năm
Chi phí mua nhà 20/9 đường Lê Hồng Phong, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ	252.156.600
Chi phí xây dựng nhà văn phòng Trà Nóc - Cần Thơ	116.833.400
Chi phí công trình nhà văn phòng và hàng rào CN Nhà Bè	78.039.149
Chi phí sửa chữa TSCĐ khác	12.626.080
Cộng	<u>459.655.229</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

		Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	(*)	24.493.332.000	12.133.332.000
Cộng		24.493.332.000	12.133.332.000

(\*) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác đến ngày 31/12/2006:

		Số cổ phần sở hữu		VND
Ngân hàng TMCP Nông Thôn Đồng Tháp	(**)	2.200.000	Tương đương	23.980.000.000
Công ty vận tải xăng dầu Vitaco		16.861	Tương đương	202.332.000
Công ty CP Tiếp Vận Dịch Vụ Hàng Hoá STS		250	Tương đương	250.000.000
Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Petrolimex		5.000	Tương đương	51.000.000
Mua trái phiếu kho bạc				10.000.000
Cộng				24.493.332.000

(\*\*) Trong đó, 2.000.000 cổ phần đã thế chấp cho Tổng Công Ty Xăng Dầu Việt Nam để đảm bảo khoản vay dài hạn ( Xem chi tiết tại mục (V.20)).

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	398.197.885	11.741.490
Tăng trong năm	617.751.337	405.858.239
Đã kết chuyển vào chi phí trong năm	239.153.414	19.401.844
Số dư cuối năm	776.795.808	398.197.885

**15. Các khoản vay và nợ ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	(*) 5.433.322.885	1.401.160.319

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(\*) Chi tiết khoản vay ngắn hạn đến ngày 31/12/2006 gồm:

		VNĐ
Vay NH Đầu Tư và Phát Triển VN theo HĐTD số 772/2005/HĐ ngày 14/06/2005	(a)	4.991.874.885
Vay NH Đầu Tư và Phát Triển VN theo HĐTD số 2361/2006/HĐ ngày 22/11/2006	(b)	101.448.000
Vay cá nhân tại chi nhánh Hà Nội	(c)	340.000.000
Cộng		<u>5.433.322.885</u>

(a) Bao gồm:

	USD		VNĐ
Vay ngắn hạn - USD	54.310,5	Tương đương	870.130.740
Vay ngắn hạn - VNĐ			<u>4.121.744.145</u>
Cộng			<u>4.991.874.885</u>

Hợp đồng vay số : 772/2005/HĐ ngày 14/06/2005 và theo  
 Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 30/12/2005  
 Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 07/04/2006  
 Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 31/07/2006

Hạn mức tín dụng : 14.000.000.000 đồng  
 Thời hạn vay : từ ngày ký kết đến hết ngày 31/12/2006  
 Lãi suất cho vay trong hạn : Lãi suất thay đổi theo lãi suất tiền gửi  
 Lãi suất cho vay quá hạn : bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn  
 Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động  
 Tài sản thế chấp :

- Xe cần trục bánh lốp hiệu Sam Sung SC25H có giá trị còn lại là 573.405.797 đồng
- Xe tải gắn cầu hiệu Hyunhdai có giá trị còn lại là 515.738.280 đồng
- Nhà xưởng, văn phòng làm việc diện tích đất thuê 4.115 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 921 và 923, xã Phú Xuân, Nhà Bè, TP.HCM có giá trị còn lại là 338.074.500 đồng
- Toàn bộ nguồn thu từ các hợp đồng mua bán, phương án kinh doanh.
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VNĐ và ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng.

(b) Hợp đồng vay số : 2361/2006/HĐ ngày 22/11/2006  
 Hạn mức tín dụng : 2.000.000.000 đồng



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời hạn cho vay	:	từ ngày ký kết đến hết ngày 31/12/2006
Lãi suất cho vay trong hạn	:	Lãi suất thay đổi theo lãi suất tiền gửi
Lãi suất cho vay quá hạn	:	bằng 150% lãi suất trong hạn
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động
Tài sản thế chấp	:	Toàn bộ nguồn thu từ các hợp đồng mua bán, phương án kinh doanh; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VNĐ và ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng.

(c) Vay cá nhân với lãi suất 1%/ tháng của các hợp đồng vay sau:

<u>Tên cá nhân</u>	<u>Số hợp đồng vay</u>	<u>VNĐ</u>
Phạm Xuân Hà	02/2006-HĐV	190.000.000
Phạm Thu Hằng	03/2006-HĐV	50.000.000
Phạm Xuân Hà	04/2006-HĐV	50.000.000
Lê Đình Thành	05/2006-HĐV	50.000.000
Cộng		<u>340.000.000</u>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Thuế phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế GTGT	2.145.455.191	1.803.482.943
Thuế TNDN	569.644.600	208.775.032
Thuế thu nhập cá nhân	12.041.591	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>		
Các khoản phí, lệ phí	20.094.085	32.993.115
Cộng	<u>2.747.235.467</u>	<u>2.045.251.090</u>

### 17. Chi phí dự phòng phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí phải trả	(*) 718.132.597	2.438.475.054
Cộng	<u>718.132.597</u>	<u>2.438.475.054</u>

(\*) Chi phí trích trước cho các công trình xây dựng tại thời điểm 31/12/2006.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẤP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**18. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm y tế	6.042.137	
Bảo hiểm xã hội	35.928.048	26.696.252
Kinh phí công đoàn	113.019.248	85.681.237
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(*) 4.547.958.377	4.548.721.702
<b>Cộng</b>	<b>4.702.947.810</b>	<b>4.661.099.191</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác tại văn phòng công ty và các chi nhánh đến ngày 31/12/2006:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả khác tại văn phòng công ty	(*) 3.251.167.651	3.774.079.576
Phải trả khác tại Cần Thơ	929.408.701	679.083.291
Phải trả khác tại Nhà Bè	28.913.649	95.558.835
Phải trả khác tại Đà Nẵng	258.468.376	-
Phải trả khác tại Hà Nội	80.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.547.958.377</b>	<b>4.548.721.702</b>

(\*) Chi tiết một số đối tượng có số dư phải trả lớn vào ngày 31/12/2006:

	Cuối năm
Hoàng Khải	1.009.221.370
Tổng Công Ty Xăng Dầu Việt Nam	776.240.323
Xưởng đá ( Vũ Mạnh Hùng)	149.167.844
Cửa hàng tư lự 38 Đồng Khởi	182.362.886
<b>Cộng</b>	<b>2.116.992.423</b>

**20. Các khoản vay và nợ dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Vay dài hạn</b>		
Vay Tổng Công Ty Xăng Dầu Việt Nam	(*) 21.800.000.000	10.800.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(\*) Chi tiết cho các hợp đồng vay sau:

		Cuối năm
Hợp đồng vay vốn số 10/XD-HĐVV-TCKT ngày 09/05/2005	(a)	10.800.000.000
Hợp đồng vay vốn số 08/XD-HĐVV-TCKT ngày 23/08/2006	(b)	11.000.000.000
Cộng		<u>21.800.000.000</u>

- (a) Hợp đồng vay : 10/XD-HĐVV-TCKT ngày 09/05/2005  
 Thời hạn vay : 24 tháng  
 Mục đích vay : Mua 990.000 cổ phần của NH TMCP NT Đồng Tháp  
 Lãi vay : tổng số cổ tức của 990.000 cổ phần nhận hàng kỳ tại NH TMCP Nông Thôn Đồng Tháp  
 Tài sản thế chấp : 900.000 cổ phần mua của NH TMCP NT Đồng Tháp.
- (b) Hợp đồng vay : 08/XD-HĐVV-TCKT ngày 23/08/2006  
 Thời hạn vay : từ ngày ký kết đến hết ngày 21/06/2007  
 Mục đích vay : Mua 1.100.000 cổ phần của NH TMCP NT Đồng Tháp  
 Lãi vay : tổng số cổ tức của 1.100.000 cổ phần nhận hàng kỳ tại NH TMCP Nông Thôn Đồng Tháp.  
 Tài sản thế chấp : 1.100.000 cổ phần mua của NH TMCP NT Đồng Tháp.

**21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:**

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(*) 307.241.723	-

(\*) Chi tiết tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời sau:

Chi tiêu	Giá trị chênh lệch tạm thời	Thuế suất	Tài sản thuế hoãn lại
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)*(3)
Chi phí trích trước đến ngày 31/12/2006	718.132.597	28%	201.077.127
Doanh thu ghi nhận trước theo tiến độ hợp đồng xây dựng đến ngày 31/12/2006	379.159.272	28%	106.164.596
Cộng			<u>307.241.723</u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### 22.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	4.200.000.000	-	1.341.113.884	1.436.777.380	6.977.891.264
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	2.492.360.232	2.492.360.232
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(546.000.000)	(546.000.000)
Thuế TNDN phải nộp	-	-	-	(348.775.032)	(348.775.032)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	687.463.477	(864.777.380)	(177.313.903)
Giảm khác	-	-	-	(1.744.785)	(1.744.785)
Số dư cuối năm trước	<u>4.200.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.028.577.361</u>	<u>2.167.840.415</u>	<u>8.396.417.776</u>
Số dư đầu năm nay	4.200.000.000	-	2.028.577.361	2.167.840.415	8.396.417.776
Tăng vốn năm nay	16.800.000.000	2.100.000.000	-	-	18.900.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	2.649.292.424	2.649.292.424
Thuế TNDN phải nộp	-	-	-	(990.838.865)	(990.838.865)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	307.241.723	307.241.723
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(504.000.000)	(504.000.000)
Trích quỹ	-	-	1.398.878.582	(1.671.176.612)	(272.298.030)
Chi quỹ	-	-	(2.100.000.000)	-	(2.100.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(100.358.379)	(100.358.379)
Số dư cuối năm nay	<u>21.000.000.000</u>	<u>2.100.000.000</u>	<u>1.327.455.943</u>	<u>1.858.000.706</u>	<u>26.285.456.649</u>

#### 22.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	6.300.000.000	1.260.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	14.700.000.000	2.940.000.000
Cộng	<u>21.000.000.000</u>	<u>4.200.000.000</u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	4.200.000.000	4.200.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	16.800.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	21.000.000.000	4.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	504.000.000	546.000.000

### 22.5. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	210.000	42.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :		
+ Cổ phiếu phổ thông	210.000	42.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 100.000đ/cổ phiếu.

### 22.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	1.056.199.194	1.848.668.217
Quỹ dự phòng tài chính	271.256.749	179.909.144
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	381.111.046	193.968.681
Cộng	1.708.566.989	2.222.546.042

Các thông tin bổ sung thêm cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán:

#### A. Các khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	(1) 7.216.592.959	4.398.971.840
Trả trước cho người bán	(2) 1.246.351.938	745.666.234
Cộng	8.462.944.897	5.144.638.074

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(1) Chi tiết khoản phải thu khách hàng tại văn phòng công ty và các chi nhánh gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng tại văn phòng công ty (*)	3.995.569.597	3.153.395.026
Phải thu khách hàng tại Cần Thơ	2.351.755.563	1.242.757.942
Phải thu khách hàng tại Nhà Bè	-	2.818.872
Phải thu khách hàng tại Đà Nẵng	764.999.000	-
Phải thu khách hàng tại Hà Nội	104.268.799	-
<b>Cộng</b>	<b>7.216.592.959</b>	<b>4.398.971.840</b>

(\*) Trong đó bao gồm khoản phải thu khách hàng của Công ty TNHH TM Toàn Cầu là 77.543 USD tương đương với 1.244.952.865 đồng.

(2) Chi tiết khoản trả trước cho người bán tại văn phòng công ty và các chi nhánh gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho người bán tại văn phòng công ty	973.534.234	745.666.234
Trả trước cho người bán tại Nhà Bè	100.680.000	-
Trả trước cho người bán tại Đà Nẵng	79.537.704	-
Trả trước cho người bán tại Hà Nội	92.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.246.351.938</b>	<b>745.666.234</b>

### B. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	4.517.662.659	3.386.791.135
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu – tại Cần Thơ	20.000.000	15.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý - tại văn phòng công ty	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.637.662.659</b>	<b>3.501.791.135</b>

(Phần tiếp theo ở trang 29)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**C. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

		Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	(1)	800.000.000	400.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	(2)	200.000.000	-
Cộng		<u>1.000.000.000</u>	<u>400.000.000</u>

(1) Danh sách các công ty con đến ngày 31/12/2006:

	Vốn góp	Tỷ lệ góp vốn
Công ty TNHH Điện Máy Xây Lắp Anh Chương	400.000.000	53.33%
Công ty TNHH Xây Lắp Công Nghiệp Hiệp Thành	400.000.000	53.35%
Cộng	<u>800.000.000</u>	

(2) Chi tiết đầu tư vào công ty liên kết đến ngày 31/12/2006:

	Vốn góp	Tỷ lệ góp vốn
Công ty TNHH Thương Mại Nhà Rồng	200.000.000	25%

**D. Các khoản phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

		Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	(1)	7.124.543.029	4.167.776.141
Người mua trả tiền trước	(2)	15.028.996.162	23.689.140.367
Cộng		<u>22.153.539.191</u>	<u>27.856.916.508</u>

(1) Chi tiết khoản phải trả người bán tại văn phòng công ty và các chi nhánh đến ngày 31/12.2006 như sau :

		Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán tại văn phòng công ty	(*)	4.358.392.183	3.804.202.897
Phải trả người bán tại Cần Thơ		967.225.189	340.469.244
Phải trả người bán tại Nhà Bè		1.084.879.756	23.104.000
Phải trả người bán tại Đà Nẵng		298.573.901	-
Phải trả người bán tại Hà Nội		415.472.000	-
Cộng		<u>7.124.543.029</u>	<u>4.167.776.141</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(\*) Trong đó, các khoản phải trả gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2006	
	USD	VND
Oil Technology Pte Ltd	13.578,28	Tương đương 217.999.285
Global Trading & Investment	21.000	Tương đương 337.155.000
Oval – Itech Control and Engine	91.633,55	Tương đương 1.473.939.341
Oil Technology Pte Ltd - Singapore	49.489,21	Tương đương 794.549.267
<b>Cộng</b>	<b>175.701,04</b>	<b>2.823.642.893</b>

(2) Chi tiết khoản người mua ứng tiền trước tại văn phòng công ty và các chi nhánh đến ngày 31/12/2006:

	Cuối năm	Đầu năm
Người mua ứng tiền trước tại văn phòng công ty	11.916.499.525	22.515.880.367
Người mua ứng tiền trước tại Cần Thơ	3.112.496.637	1.173.260.000
<b>Cộng</b>	<b>(*) 15.028.996.162</b>	<b>23.689.140.367</b>

(\*) Chi tiết một số khách hàng ứng trước có số dư lớn vào ngày 31/12/2006:

	Cuối năm
Công ty TNHH một thành viên Công Nghiệp Tàu Thủy Cái Lân	5.460.702.635
Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu mỏ	2.784.842.067
Trường học An Giang – Gói thầu số 2	1.052.933.957
Trường học An Giang – Gói thầu số 1	999.163.000
<b>Cộng</b>	<b>10.297.641.659</b>

**E. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	(*) 379.159.272	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(\*) Doanh thu chưa thực hiện của hợp đồng 02/HĐ-XD ngày 05/10/2006 thi công sửa chữa mái khối 3 tầng nhà chính Viện Tin Học Pháp Ngữ ở chi nhánh Hà Nội.

### VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

#### 25. Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	9.139.942.034	9.200.432.118
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.786.034.473	3.078.057.092
Doanh thu xây lắp	77.890.634.280	69.215.674.947
Cộng	<u>90.816.610.787</u>	<u>81.494.164.157</u>

#### 27. Doanh thu thuần

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	90.816.610.787	81.494.164.157

#### 28. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.920.172.047	8.467.300.584
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.266.555.672	1.904.144.066
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	71.950.023.437	63.638.268.789
Cộng	<u>82.136.751.156</u>	<u>74.009.713.439</u>

#### 29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	675.084.601	463.222.244
Cổ tức, lợi nhuận được chia	203.000.000	1.110.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	14.398.217	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	10.102.170
Cộng	<u>892.482.818</u>	<u>474.434.414</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**30. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.368.224.818	358.333.459
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.524.156	9.148.644
Cộng	<u>1.377.748.974</u>	<u>367.482.103</u>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	990.838.865	348.775.032

**32. Chi phí thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời chịu thuế	(307.241.723)	-
Cộng	<u>(307.241.723)</u>	<u>-</u>

(Phần tiếp theo ở trang 33)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**VIII. Những thông tin khác :**

**Thông tin về các bên có liên quan**

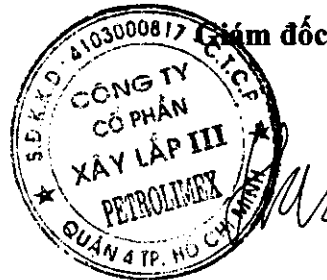
STT	Tên bên có liên quan	Mua hàng	Bán hàng
1	Công ty TNHH Điện Máy Xây Lập Anh Chương	2.172.367.664	831.844.581
2	Công ty TNHH Xây Lập Công Nghiệp Hiệp Thành	-	924.879.935
3	Công ty TNHH TM Nhà Rông	11.154.100	111.469.152
	Cộng	<u>2.183.521.764</u>	<u>1.868.193.668</u>

Ngày 12 tháng 03 năm 2007

**Kế toán trưởng**



**NGUYỄN THỊ VÂN**



**CUNG QUANG HÀ**